

Phú Điền, ngày 28 tháng 7 năm 2023

THUYẾT MINH
QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Căn cứ thảo luận dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2022 và Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Nam Sách Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Thực hiện dự toán thu chi NSX năm 2022 đã được Phê duyệt tại kỳ họp thứ tư HĐND xã khoá XXII

Căn cứ kết quả thực hiện thực hiện dự toán thu chi NSX đã được HĐND xã Phê duyệt và thông báo về việc thẩm định quyết toán ngân sách xã niên độ năm 2022 xã Phú Điền, của Phòng tài chính kế hoạch huyện Nam Sách số liệu thể như sau:

I, Thu ngân sách

Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	So sánh Quyết toán năm với dự toán năm (%)
Tổng số thu	41.592.271.132	41.617.848.626	101,03
I. Các khoản thu 100%	101.912.700	108.412.700	106,38
1. Phí, lệ phí	25.776.000	25.776.000	100
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	53.857.700	53.857.700	100
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	1.000.000	6.200.000	
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	5.000.000	6.500.000	
8. Thu khác	16.279.000	16.079.000	75,56
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.732.149.200	13.161.956.694	103,38
1. Các khoản thu phân chia	72.000.000	489.072.290	679,27

1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	18.000.000	31.644.348	175,8
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.000.000	8.300.000	207,5
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	450.000.000	449.127.942	102,3
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	12.660.149.200	12.672.884.404	100,1
2.1. Thu tiền sử dụng đất	12.597.749.200	12.597.749.233	100
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			
2.3. Thuế tài nguyên			
2.4. Thuế giá trị gia tăng	41.600.000	44.068.531	105,93
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp			
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	20.800.000	31.066.640	149,36
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			
IV. Thu chuyển nguồn	3.130.176.132	3.130.176.132	100
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	25.228.033.100	25.217.303.100	99,96
1. Bổ sung cân đối ngân sách	2.705.200.000	2.694.470.000	99,6
2. Bổ sung có mục tiêu	22.522.833.100	22.522.833.100	100

Về thực hiện chi ngân sách năm 2022

Nội dung	Dự toán năm	Quyết toán năm	(%) So sánh QT/DT
B	1	2	3
Tổng chi ngân sách xã	41.617.848.626	41.617.848.626	100,00
Chi đầu tư phát triển (1)	35.917.271.600	35.917.271.600	100,00
Trường học	8.866.780.000	8.866.780.000	100,00
Trạm y tế			
Trụ sở, hội trường UBND xã	1.991.375.000	1.991.375.000	100,00

Giao thông	20.258.905.600	20.258.905.600	100,00
Nghĩa trang liệt sỹ	11.500.000	11.500.000	100,00
Nhà văn hóa	600.000.000	600.000.000	100,00
Chi xây dựng bãi rác	168.794.000	168.794.000	100,00
Các công trình khác	4.019.917.000	4.019.917.000	100,00
Tổng số chi	5.984.283.832	4.851.635.100	81,07
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	520.150.000	520.150.000	100
1.1. Chi dân quân tự vệ	353.640.000	353.640.000	100
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	166.510.000	166.510.000	100
2. Chi giáo dục	12.240.000	12.240.000	100
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4. Chi y tế	12.000.000	12.000.000	100
5. Chi văn hóa, thông tin	19.500.000	19.500.000	100
6. Chi phát thanh, truyền thanh	41.900.000	41.900.000	100
7. Chi thể dục, thể thao	19.500.000	19.500.000	100
8. Chi bảo vệ môi trường	150.316.000	120.316.000	80,04
9. Chi các hoạt động kinh tế	42.100.000	42.100.000	100
9.1. Giao thông	26.400.000	26.400.000	100
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	15.700.000	15.700.000	100
9.3. Thị chính			
9.4. Thương mại, du lịch			
9.5. Các hoạt động kinh tế khác			
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.089.252.400	3.834.828.100	93,78
Trong đó: Quỹ lương	2.456.000.000	2.278.699.100	92,78
10.1. Quản lý Nhà nước	2.532.076.400	2.277.652.100	89,95
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	674.127.000	674.127.000	100
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	274.097.000	267.084.500	97,44
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	140.503.000	141.813.500	100,93
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	138.655.000	142.825.800	103,01
10.6. Hội Cựu chiến binh	135.193.000	138.416.000	102,38

10.7. Hội Nông dân	119.249.000	120.557.200	101,1
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	75.352.000	72.352.000	96,02
Hội xã hội đặc thù khác	75.352.000	72.352.000	96,02
11. Chi cho công tác xã hội	229.101.000	229.101.000	100
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	143.871.000	204.101.000	141,86
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	25.000.000	25.000.000	100
12. Chi khác			
Chi khác			
13. Dự phòng chi thường xuyên	848.224.432		
Kinh phí tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	108.356.000		
Kinh phí 70 % tăng thu thực hiện cải cách tiền lương	759.868.432		
Chi chuyển nguồn TX sang ngân sách năm sau		848.941.926	

Nhận xét về thu, chi Ngân sách năm 2022

Về biểu mẫu, báo cáo chấp hành đúng quy định, chế độ Kế toán hiện hành. công tác quyết toán các công trình XDCCB còn chậm, không đúng thời gian quy định, nợ đọng vốn XDCCB kéo dài do công trình chưa được quyết toán

Hệ thống sổ sách kế toán đã được hoàn thiện tuy nhiên việc lập các sổ phải thu, phải trả chưa được thực hiện việc theo dõi số phải thu chỉ là các khoản dân nợ được theo dõi trên phương án thu, các khoản phải trả chỉ là khoản nợ xây dựng cơ bản, được theo theo từng công trình;

Sổ tài sản cố định và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ lâu bền được theo dõi và quản lý trên phần mềm theo quy định;

Trên đây là thuyết minh quyết toán thu - chi ngân sách xã năm 2023 báo cáo HĐND xã và các cấp xem xét và chỉ đạo thực hiện quyết toán ngân sách xã theo quy định./.

